

Bản án số: 1051/2017/DS-PT

Ngày: 23/11/2017

Vv “Bồi thường thiệt hại do xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

2/ Ông Nguyễn Minh Quang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 09 năm 2017 về việc “Bồi thường thiệt hại do xây dựng”.

Do bản án số 424/2017/DS-ST ngày 27/07/2017 của Tòa án nhân dân quận G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2422/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965

Địa chỉ: đường I, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Trần Trúc B, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: đường M, Phường M1, quận M2

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1 Ủy ban nhân dân quận G

Địa chỉ: đường N, Phường N1, quận G

Đại diện theo ủy quyền:

3.1.1 Ông Nguyễn Khả D, sinh năm 1975 (Có đơn xin vắng)

Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý đô thị

3.1.2 Bà Đặng Thị Ngọc E, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng)

Chức vụ: Chuyên viên phòng Quản lý đô thị

3.3. Ông Nguyễn G, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường I, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh

3.4. Bà Trần Thị Viên H, sinh năm 1982 (Có đơn xin vắng)

Địa chỉ: đường M, Phường M1, quận M2

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị A và bị đơn - ông Trần Trúc B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2015 nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2009, ông Trần Trúc B là chủ đầu tư căn nhà số 124A đường số 11, Phường K, quận G xây dựng nhà. Do không kiên cố nên công trình xây dựng bị đổ sập đè lên căn nhà số đường I, Phường K, Quận G, do bà A là chủ sở hữu, làm hư hỏng toàn bộ căn nhà và các tài sản khác của bà A. Sau sự cố xảy ra ông B trốn tránh trách nhiệm. Chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng chuyên môn cùng tham gia giải quyết sự việc trên. Theo kết quả giám định số 315/09 KĐ.KD1 ngày 05/01/2010 của Công ty kiểm định xây dựng Sài Gòn thì căn nhà bà A bị hư hỏng hoàn toàn, không thể sử dụng và có nguy cơ sập đổ bất kỳ lúc nào, tổng chi phí để khôi phục nguyên trạng ban đầu của căn nhà là 931.931.988 đồng. Do mức độ nguy hiểm của căn nhà nên ngày 29/10/2010, Ủy ban nhân dân quận G theo sự chấp thuận và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đã tạm chi ngân sách Nhà nước số tiền 931.931.988 đồng, để bà A có kinh phí nhằm tháo dỡ và xây dựng lại căn nhà của mình. Sau đó, bà A sẽ khởi kiện ông B đòi bồi thường tổn thất để hoàn lại số tiền trên cho ngân sách Nhà nước.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận G buộc ông B phải có trách nhiệm bồi thường những chi phí sau:

- Bồi thường chi phí liên quan đến việc khôi phục hiện trạng ban đầu căn nhà bà A theo kết quả giám định là 931.931.988 đồng.
- Bồi thường chi phí hư hỏng tài sản gắn liền với căn nhà là 96.100.000 đồng.
- Bồi thường chi phí thuê nhà trong thời gian chờ sửa chữa là 30.000.000 đồng.
- Bồi thường thu nhập bị mất của chồng bà A là ông Nguyễn G với số tiền 100.000. 000 đồng (Do bà A bị suy sụp tinh thần nên chồng bà A phải xin nghỉ việc để ở nhà chăm sóc bà A).

Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là 1.158.931.988 đồng.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại khoản yêu cầu bồi thường chi phí hư hỏng tài sản gắn liền với căn nhà là 96.100.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông B và vợ ông B phải bồi thường các khoản: Chi phí liên quan đến việc khôi phục hiện trạng ban đầu căn nhà là 931.931.988 đồng; Chi phí thuê nhà trong thời gian chờ sửa chữa là 30.000.000 đồng và thu nhập bị mất của chồng bà A là ông Nguyễn G với số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu

bồi thường là 1.061.931.988 đồng. Yêu cầu bồi thường sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và trong các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Trúc B trình bày:

Vào năm 2009, ông B có xây nhà và bị đổ, đề lên nhà số đường I, Phường K, quận G do bà A là chủ sở hữu. Tuy nhiên, sự việc xảy ra gia đình ông cũng là người bị hại do sự tắc trách của công ty xây dựng. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình ông đã cố gắng thương thảo với bà A, nhưng bà A đòi bồi thường với số tiền lớn vượt quá số tiền sửa chữa thực tế nên ông không thể chấp nhận. Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường tổng số tiền 1.061.931.988 đồng thì ông không đồng ý. Theo kết quả giám định thì số tiền 931.931.988 đồng là để xây lại toàn bộ căn nhà của bà A. Nhưng thực tế bà A không xây lại nhà, bà A chỉ sửa chữa, đập bớt tầng nên số tiền sửa chữa chỉ hết khoảng 200.000.000 đến 300.000.000 đồng. Do đó, ông chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 300.000.000 đồng. Còn các khoản yêu cầu bồi thường khác như tiền thuê nhà, tiền mất thu nhập là không hợp lý nên ông không chấp nhận.

Theo đơn yêu cầu độc lập đề ngày 23/9/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận G và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận G bà Đặng Thị Ngọc E trình bày:

Ngày 19/7/2009 nhà ông B xây dựng bị sập làm ảnh hưởng đến các căn nhà lân cận. Sau khi xảy ra sự cố, việc xử lý gặp nhiều khó khăn do ông B không hợp tác và không chấp nhận bồi thường thiệt hại. Đối với căn nhà số đường I do bà A làm chủ sở hữu bị hư hỏng nghiêm trọng, không thể tồn tại, phải tháo dỡ nhanh theo kết quả kiểm định. Do đó, Sở xây dựng và Ủy ban nhân dân quận G đã kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận cho tạm ứng từ ngân sách nhà nước số tiền 931.931.988 đồng để gia đình bà A tháo dỡ, xây dựng mới lại căn nhà. Sau khi nhận tiền tạm ứng, bà A cam kết sẽ khởi kiện ông B để đòi bồi thường thiệt hại và hoàn trả lại số tiền trên cho Ngân sách.

Nay bà A đã khởi kiện ông B để đòi bồi thường xây dựng. Do đó, Ủy ban nhân dân quận G yêu cầu Tòa án nhân dân quận G buộc bà A và chồng bà A là ông Nguyễn G phải trả lại số tiền 931.931.988 đồng đã nhận tạm ứng để Ủy ban nhân dân quận G hoàn trả ngân sách Nhà nước. Yêu cầu trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn G (chồng bà A) do ông Nguyễn Văn C làm đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Nguyễn G cùng ý kiến như bà A, yêu cầu ông B phải bồi thường tổng số tiền là 1.061.931.988 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập nêu trên của Ủy ban nhân dân quận G, đại diện hợp pháp của bà A và ông Nguyễn G trình bày: Thống nhất về việc có nhận từ Ủy ban nhân dân quận G số tiền 931.931.988 đồng. Về thời gian trả lại số tiền

này là khi nào bà A, ông Nguyễn G đòi được số tiền bồi thường từ ông B, thì bà A mới có tiền trả lại cho Ủy ban nhân dân quận G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Viên H (Vợ ông B) trình bày: Bà cùng ý kiến với ông B, chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 200.000.000 đến 300.000.000 đồng. Đồng thời, bà H xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm tuyên xử:

- Áp dụng Điều 605 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 228; Điều 217; Điều 218; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc ông Trần Trúc B và bà Trần Thị Viên H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn G số tiền 961.931.988 (Chín trăm sáu một triệu chín trăm ba một ngàn chín trăm tám tám) đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản yêu cầu ông B phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng thu nhập bị mất của ông Nguyễn G.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản yêu cầu bị đơn bồi thường 96.100.000 đồng tiền hư hỏng tài sản khác gắn liền với căn nhà bà A.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân quận G.

Buộc bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn G phải có trách nhiệm trả lại cho Ủy ban nhân dân quận G số tiền 931.931.988 (Chín trăm ba một triệu chín trăm ba một ngàn chín trăm tám tám) đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Trúc B và bà Trần Thị Viên H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.857.960 (Bốn mươi triệu tám trăm năm bảy ngàn chín trăm sáu mươi) đồng.

- Bà A và ông Nguyễn G phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu không được chấp nhận là 5.000.000 đồng. Đồng thời, bà A và ông Nguyễn G còn phải chịu thêm tiền án phí đối với yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân quận G được chấp nhận là 39.957.960 đồng. Tổng cộng bà A và ông Nguyễn G

phải chịu 44.957.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được căn trừ vào số tiền 23.370.480 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006206, ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà A và ông Nguyễn G còn phải nộp 21.587.480 (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi) đồng.

- Ủy ban nhân dân quận G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.978.980 (Mười chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0016852, ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/08/2017 Tòa án nhân dân quận G nhận được đơn kháng cáo của bị đơn-ông Trần Trúc B, ngày 09/08/2017 Tòa án nhân dân quận G nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn-bà Nguyễn Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – ông Trần Trúc B cùng luật sư bảo vệ quyền lợi trình bày:

Chúng tôi xác định đã gây ra thiệt hại thì phải bồi thường, tuy nhiên số tiền thực tế bà A bỏ ra sửa chữa nhà chỉ khoảng 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại mức bồi thường tính theo giá trị thực tế.

Về thời hiệu : Thiệt hại xảy ra từ năm 2009 nhưng hồ sơ thể hiện đến năm 2015 nguyên đơn mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu.

Ông Nguyễn Văn C là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị A trình bày :

Yêu cầu Tòa xem xét buộc phía ông B phải bồi thường thu nhập bị mất của ông Nguyễn G là 100.000.000 đồng.

Trước đây các bên đã thỏa thuận sau khi đòi được tiền ông B thì bà A sẽ hoàn trả cho Ủy ban nhân dân quận G. Việc Tòa án xử buộc bà A phải hoàn trả tiền cho Ủy ban nhân dân quận G ngay khi án có hiệu lực là không có cơ sở. Đề nghị Tòa sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm :

Về thủ tục tố tụng :

Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra là phù hợp với nguyên tắc bồi thường thiệt hại, đối với số tiền bị đơn bị mất thu nhập nguyên đơn không chứng minh được, do đó kháng cáo về vấn đề này của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận. Đối với số tiền hỗ trợ của Ủy ban Nhân dân quận G, phía Ủy ban đã có yêu cầu nguyên đơn phải hoàn trả ngay, bản án sơ thẩm buộc phía bà A phải hoàn trả số tiền này ngay khi án có hiệu lực là có cơ sở do đó kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu và trong quá trình giải quyết của cấp sơ thẩm, bị đơn không đưa ra yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và không áp dụng quy định về thời hiệu là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 27/07/2017 Tòa án nhân dân quận G tuyên bản án số 424/2017/DS-ST. Ngày 04/8/2017 và ngày 09/8/2017 Tòa án nhân dân quận G nhận được đơn kháng cáo của bị đơn – ông Trần Trúc B và nguyên

đơn – bà Nguyễn Thị A. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của nguyên đơn : Bà A kháng cáo yêu cầu ông B phải bồi thường tổn thất thu nhập của chồng bà là 100.000.000 đồng và yêu cầu tạm hoãn thời gian trả lại số tiền tạm ứng của Ủy ban nhân dân quận G cho đến khi ông B trả tiền cho bà.

- Đối với yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng : Bà A cho rằng khoản tiền này là thu nhập bị mất của chồng bà A – ông Nguyễn G do ở nhà chăm sóc bà bị trầm cảm sau sự cố sập nhà. Chứng cứ chứng minh bà A đưa ra là đơn xin lùi ngày nhận việc của ông Nguyễn G tại công ty Leefu với lý do vợ ông bị bệnh trầm cảm do ảnh hưởng cuộc sống khó khăn sau sự cố sập nhà. Xét, bà A không cung cấp được hợp đồng lao động của ông Nguyễn G đồng thời bà A cũng không chứng minh được việc bà bị bệnh trầm cảm. Mặt khác trong quá trình ông Nguyễn G xin hoãn nhận việc bà A vẫn có biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân quận G nên bà A cho rằng bà A bị trầm cảm và chồng phải ở nhà chăm sóc dẫn đến bị mất thu nhập 100.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tạm hoãn việc trả tiền cho Ủy ban nhân dân quận G : Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại là quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn. Ủy ban nhân dân quận G đã tạm ứng hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền thiệt hại thời gian từ năm 2010 đến nay đã lâu và Ủy ban có yêu cầu nguyên đơn hoàn lại số tiền này, cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn hoàn lại cho Ủy ban số tiền này ngay khi án có hiệu lực là có căn cứ, do đó kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn: Xem xét lại mức bồi thường thiệt hại theo thực tế khoảng 300.000.000 đồng và yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu.

Bị đơn đã thừa nhận việc xây nhà không đúng kỹ thuật gây sập nhà của phía nguyên đơn và chấp nhận bồi thường tuy nhiên đề nghị chỉ bồi thường thiệt hại bằng số tiền nguyên đơn bỏ ra khôi phục lại theo hiện trạng hiện nay chỉ vào khoảng 300.000.000 đồng.

Xét theo nguyên tắc bồi thường thiệt hại được quy định tại Khoản 1 Điều 605 Bộ luật dân sự 2005 thì thiệt hại xảy ra phải được bồi thường kịp thời và đầy đủ. Theo kết quả giám định số 315 /09 KĐ.KD1 ngày 05/01/2010 của Công ty Kiểm định xây dựng Sài Gòn thì tổng chi phí để khôi phục nguyên trạng ban đầu của căn nhà là 931.931.988 đồng, việc bà A khôi phục hiện trạng như thế nào cũng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại theo nguyên tắc đã nói trên do đó bị đơn kháng cáo cho rằng bà A chỉ khắc phục xây lại 1 trệt 1 lầu có giá trị không tới giá trị kiểm định thiệt hại và không chấp nhận bồi thường như án sơ thẩm là không có cơ sở.

Về thời hiệu khởi kiện của vụ án, theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 thời hiệu khởi kiện đối với loại tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là 02 năm kể từ ngày xảy ra thiệt hại. Thời điểm xảy ra thiệt hại là năm 2009 đến ngày khởi kiện thể hiện trong hồ sơ vào năm 2015 là đã hết thời hiệu, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm bị đơn thừa nhận nghĩa vụ bồi thường cũng như không yêu cầu áp dụng thời hiệu, do đó cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 157 Bộ luật dân sự 2015 và Khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do những nhận định trên, kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí phúc thẩm :

Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông B đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027254 ngày 11/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027244 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ những nhận định trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên xử

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị A và bị đơn ông - Trần Trúc B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 424/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân quận G.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Buộc ông Trần Trúc B và bà Trần Thị Viên H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn G số tiền 961.931.988đ (Chín trăm sáu mươi một triệu chín trăm ba mươi một ngàn chín trăm tám mươi tám đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản yêu cầu ông B phải bồi thường số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thu nhập bị mất của ông Nguyễn G.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản yêu cầu bị đơn bồi thường 96.100.000 đồng tiền hư hỏng tài sản khác gắn liền với căn nhà bà A.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân quận G.

Buộc bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn G phải có trách nhiệm trả lại cho Ủy ban nhân dân quận G số tiền 931.931.988đ (Chín trăm ba mươi một triệu chín trăm ba mươi một ngàn chín trăm tám mươi tám đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Trúc B và bà Trần Thị Viên H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.857.960 (Bốn mươi triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

- Bà A và ông Nguyễn G phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu không được chấp nhận là 5.000.000 đồng. Đồng thời, bà A và ông Nguyễn G còn phải chịu thêm tiền án phí đối với yêu cầu độc lập của Ủy ban nhân dân quận G được chấp nhận là 39.957.960 đồng. Tổng cộng bà A và ông Nguyễn G phải chịu 44.957.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được căn trừ vào số tiền 23.370.480 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006206, ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn G còn phải nộp 21.587.480đ (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

- Ủy ban nhân dân quận G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.978.980đ (Mười chín triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0016852, ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Trúc B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Căn trừ vào số tiền 300.000 đồng ông B đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027254 ngày 11/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Căn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027244 ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh